

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21DB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/03/2023Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115621005	Trần Thanh Nhân	06/09/2003	Nam	9,8	5,5	7,7	001			
2	115621020	Võ Huỳnh Đăng Khoa	23/10/2003	Nam	9,8	4,8	7,3	002			
3	115621023	Trần Nhật Hào	16/12/2003	Nam	8,0	4,8	6,4	003			
4	115621034	Nguyễn Huỳnh Phương	13/02/2003	Nữ	8,0	6,5	7,3	004			
5	115621058	Lê Hồ Thanh Thuý	19/12/2003	Nữ	10,0	6,3	8,2	005			
6	115621060	Phạm Thị Kim Hồng	12/11/2003	Nữ	8,8	7,8	8,3	006			
7	115621068	Đỗ Thị Nam	13/08/2003	Nữ	8,0	6,3	7,2	007			
8	115621084	Trần Thị Thùy Mỹ	26/11/2003	Nữ	9,8	7,5	8,7	008			
9	115621088	Dương Thúy Ngân	01/01/2003	Nữ	8,0	4,8	6,4	009			
10	115621089	Phạm Thị Thiệu Nhi	05/05/2003	Nữ	8,0	6,5	7,3	010			
11	115621091	Trần Thanh Ngọc	28/05/2003	Nữ	9,8	8,5	9,2	011			
12	115621127	Võ Thị Kim Chi	11/06/2003	Nữ	10,0	7,5	8,8	012			
13	115621140	Nguyễn Anh Khoa	05/06/2003	Nam	9,8	7,3	8,6	013			
14	115621145	Võ Thị Thanh Ngân	21/05/2003	Nữ	9,3	7,0	8,2	014			
15	115621146	Nguyễn Thị Thanh Trúc	12/09/2003	Nữ	8,5	6,0	7,3	015			
16	115621150	Thạch Ngọc Hà	16/08/2003	Nam	8,8	6,3	7,6	016			
17	115621154	Lê Thụy Ngọc Ngoan	07/02/2003	Nữ	8,0	4,8	6,4	017			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17Tổng số tờ: 17Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn LaCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21CKA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 3 / 2023Phòng thi: D.71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111821001	Trần Hoàng Ân	14/10/2003	Nam	7,8	3,3	5,6	001	<u>AK</u>		
2	111821003	Nguyễn Thành Đô	13/01/2003	Nam	7,8	4,5	6,2	002	<u>Đô</u>		
3	111821006	Thái Chí Hải	05/10/2003	Nam	7,8	3,3	5,6	003	<u>Chh</u>		
4	111821013	Thạch Ngọc Huy	13/01/2003	Nam	6,0	—	—	—	—		<u>Vũy</u>
5	111821015	Trương Bảo Khanh	15/10/2003	Nam	7,3	3,3	5,3	005	<u>AK</u>		
6	111821017	Nguyễn Minh Khôi	27/12/2003	Nam	7,5	4,3	5,9	006	<u>Khôi</u>		
7	111821019	Nguyễn Văn Sĩ Lâm	15/07/2003	Nam	6,5	3,8	5,2	007	<u>TS</u>		
8	111821025	Huỳnh Lê Công Lực	14/08/2003	Nam	—	—	—	—	—		<u>CT</u>
9	111821028	Sơn Thiên Tân	17/03/2003	Nam	7,3	3,8	5,6	009	<u>Tan</u>		
10	111821029	Đặng Thành Thái	02/10/2003	Nam	6,8	—	—	—	—		
11	111821030	Kim Oanh Thone	15/05/2003	Nam	9,3	4,8	7,1	011	<u>Thone</u>		
12	111821033	Nguyễn Minh Thùy	19/01/2003	Nam	7,8	3,5	5,7	012	<u>Thùy</u>		
13	111821034	Lê Trung Tín	25/05/2003	Nam	7,3	4,0	5,7	013	<u>Tín</u>		
14	111821035	Thạch Tranh	01/02/2003	Nam	7,0	4,5	5,8	014	<u>Tranh</u>		
15	111821061	Thạch Dư	05/05/2003	Nam	7,8	4,0	5,9	015	<u>Dư</u>		
16	111821063	Thạch Hữu Đức	10/10/2002	Nam	—	—	—	—	—		<u>CT</u>
17	111821067	Nguyễn Hoàng An	23/08/2003	Nam	7,0	5,5	6,3	017	<u>An</u>		
18	111821068	Phạm Phúc Qui	25/04/2003	Nam	6,0	3,5	4,8	018	<u>Qui</u>		
19	111821097	Trần Gia Huy	27/07/2003	Nam	7,8	4,0	5,9	019	<u>Huy</u>		
20	111821117	Kim Văn Tấn	19/02/2003	Nam	6,0	4,3	5,2	020	<u>Tấn</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16Tổng số tờ: 16Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Đình Kim Hoàn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Sơn Sơn LêCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21CKA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá:.....9N.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....15...../3...../2023.....

Phòng thi:.....D71.103.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111821118	Châu Nhĩ Thái	10/08/2003	Nam	<u>8,5</u>	<u>5,0</u>	<u>6,8</u>	<u>021</u>	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....01.....

Tổng số tờ:.....01.....

Cán bộ coi thi 1:.....Nguyễn Võ Thu An.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày ..22... tháng ..3... năm ..2023...

Cán bộ ghi điểm:.....[Signature]
Trần Văn Ba.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....[Signature].....

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

15/3
D71.104

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21CKB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/3/23Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111821039	Nguyễn Thanh Tân	13/11/2003	Nam	7,3	3,8	5,6	001	Tg		
2	111821040	Nguyễn Minh Thuận	23/11/2003	Nam	7,8	—	—	—	—	—	
3	111821041	Trần Gia Bảo	29/07/2003	Nam	7,3	6,3	6,8	003	—	—	
4	111821042	Nguyễn Tấn Quý	08/05/2003	Nam	6,0	4,8	5,4	004	—	—	
5	111821048	Dương Hoàng Ân	07/11/2003	Nam	7,3	3,5	5,4	005	—	—	
6	111821049	Huỳnh Quý Duy	07/08/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	006	—	—	
7	111821050	Lê Hoàng Huy	22/08/2003	Nam	6,0	—	—	—	—	—	
8	111821055	Lương Minh Tiến	19/03/2003	Nam	7,0	4,8	5,9	008	—	—	
9	111821062	Thạch Thanh Lộc	17/07/2003	Nam	7,8	6,3	7,1	009	—	—	
10	111821137	Huỳnh Đăng Khoa	29/04/2003	Nam	—	—	—	—	—	—	CT
11	111821139	Đặng Văn Thọ	26/04/2003	Nam	6,5	3,3	4,9	011	—	—	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11Tổng số sv, hs dự đánh giá: 0,8Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 0,8Tổng số tờ: 0,8Cán bộ coi thi 1: Nguyễn T. LanhĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 2 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Khoa

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21CN0T

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 3 / 2023Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118021006	Triệu Nhật Hào	22/08/2002	Nam	7,5	3,3	5,4	001	<u>Hào</u>		
2	118021007	Nguyễn Đoàn Trung Hiếu	01/10/2003	Nam	8,0	5,0	6,5	002	<u>Hiếu</u>		
3	118021008	Trần Huy Hoàng	12/04/2003	Nam	8,0	4,5	6,3	003	<u>Hoàng</u>		
4	118021009	Mai Tiến Hưng	24/05/2003	Nam	7,3	3,3	5,3	004	<u>Hưng</u>		
5	118021019	Trình Khải Minh	28/03/2003	Nam	7,5	3,8	5,7	005	<u>Minh</u>		
6	118021020	Kiên Thị Hà My	02/08/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	006	<u>My</u>		
7	118021021	Phạm Thanh Ngọc	09/08/2003	Nam	8,0	3,5	5,8	007	<u>Ngọc</u>		
8	118021023	Nguyễn Hoàng Phúc	28/01/2003	Nam	7,8	4,0	5,9	008	<u>Phúc</u>		
9	118021025	Nguyễn Minh Tâm	09/03/2003	Nam	7,3	4,8	6,1	009	<u>Tâm</u>		
10	118021027	Nguyễn Phước Thành	19/02/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	010	<u>Thành</u>		
11	118021029	Nguyễn Văn Toàn	13/02/2003	Nam	8,0	4,8	6,4	011	<u>Toàn</u>		
12	118021032	Nguyễn Thành Trung	25/12/2003	Nam	7,8	4,8	6,3	012	<u>Trung</u>		
13	118021033	Võ Trường Vĩ	15/10/2003	Nam	7,8	4,8	6,3	013	<u>Vĩ</u>		
14	118021034	Đinh Phú Vinh	30/11/2003	Nam	7,8	5,0	6,4	014	<u>Vinh</u>		
15	118021039	Lê Tiến Đại	01/12/2003	Nam	8,0	5,0	6,5	015	<u>Đại</u>		
16	118021045	Nguyễn Tấn Khang	12/11/2003	Nam	8,0	4,8	6,4	016	<u>Khang</u>		
17	118021049	Cao Hải Đăng	07/07/2003	Nam	8,0	4,8	6,4	017	<u>Đăng</u>		
18	118021051	Lê Quốc Chuẩn	04/04/2003	Nam	8,0	6,5	7,3	018	<u>Chuẩn</u>		
19	118021064	Nguyễn Minh Khang	01/11/2003	Nam	7,8	5,8	6,8	019	<u>Khang</u>		
20	118021065	Nguyễn Duy Tân	05/06/2003	Nam	7,8	4,8	6,3	020	<u>Tân</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Duy Tấn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn TấnCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21CN0T

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 3 / 2023

Phòng thi: D.71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118021073	Bùi Nhật Hào	06/06/2003	Nam	<u>7,8</u>	<u>4,0</u>	<u>5,9</u>	<u>021</u>	<u>Nguyễn Duy Tuấn</u>		
2	118021076	Trương Nhật Thịnh	16/10/2003	Nam	<u>8,5</u>	<u>3,5</u>	<u>6,0</u>	<u>022</u>	<u>Trương Nhật Thịnh</u>		
3	118021080	Nguyễn Trường Thành	05/10/2003	Nam	<u>8,0</u>	<u>5,5</u>	<u>6,8</u>	<u>023</u>	<u>Nguyễn Trường Thành</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21THB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 3 / 23Phòng thi: DT1-104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321016	Lâm Ngọc Diệp	25/07/2003	Nữ	8,0	5,5	6,8	012	<u>Ghép</u>		
2	114321029	Huỳnh Ngọc Hân	30/08/2003	Nữ	8,0	4,0	6,0	013	<u>Hân</u>		
3	114321030	Sơn Thị Diệu Hằng	26/12/2003	Nữ	8,3	4,8	6,6	014	<u>Hằng</u>		
4	114321087	Trần Minh Tâm	18/08/2003	Nữ	8,0	4,0	6,0	015	<u>Tâm</u>		
5	114321098	Trần Thị Mỹ Tiên	20/11/2003	Nữ	10,0	6,0	8,0	016	<u>Mỹ</u>		
6	114321103	Phan Thị Ngọc Trâm	11/01/2003	Nữ	8,3	4,8	6,6	017	<u>Trâm</u>		
7	114321109	Nguyễn Thị Quế Trân	19/12/2003	Nữ	8,8	5,0	6,9	018	<u>Quế</u>		
8	114321123	Trần Thị Thúy Vy	29/12/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	019	<u>Thúy Vy</u>		
9	114321141	Lê Hoàng Tuấn	01/10/2003	Nam	9,3	6,8	8,1	020	<u>Tuấn</u>		
10	114321148	Trần Thị Kiều Trinh	18/02/2003	Nữ	9,8	3,5 sm	6,7	021	<u>Trinh</u>		3,5 sm

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09 10Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09 10Tổng số tờ: 10 09Cán bộ coi thi 1: Phan Thị Ngọc Trâm

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn LêCán bộ kiểm tra: Phan Thị Ngọc TrâmNguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21THD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 3 / 2023

Phòng thi: 071.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321155	Ngô Thị Kim Ngọc	18/12/2001	Nữ	7,5	3,0	5,3	019	Ngoc		
2	114321156	Ngô Thị Kim Tuyền	03/10/2003	Nữ	8,5	4,3	6,4	020	Tuyen		
3	114321190	Lâm Thị Mỹ Huyền	05/09/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	021	Huyen		
4	114321341	Phạm Đoàn Phương Quyên	31/10/2003	Nữ	7,5	4,5	6,0	022	Quyen		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 04

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Đình Kim Hân

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Lê

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21CNSH

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: *Thực nghiệm*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/03/2023

Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117721001	Nguyễn Tuyết Anh	05/01/2003	Nữ	8,8	5,3	7,1	001	<i>[Signature]</i>		
2	117721002	Nguyễn Lý Ngọc Hân	15/09/2003	Nữ	8,5	4,0	6,3	002	<i>[Signature]</i>		
3	117721003	Huỳnh Lâm Anh Kiệt	16/12/2003	Nam	7,8	4,5	6,2	003	<i>[Signature]</i>		
4	117721006	Trần Thị Yến Như	25/05/2002	Nữ	7,8	4,8	6,3	004	<i>[Signature]</i>		
5	117721013	Đặng Thị Oanh Yến	08/12/2003	Nữ	7,8	5,0	6,4	005	<i>[Signature]</i>		
6	117721014	Dương Tiểu Muội	11/10/2003	Nữ	9,5	5,0	7,3	006	<i>[Signature]</i>		
7	117721017	Nguyễn Như Khải	31/08/2003	Nam	8,8	5,5	7,2	007	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: *07*

Tổng số sv, hs dự đánh giá: *07*

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: *07*

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]*

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: *50*%; Điểm KT: *50*%

Trà Vinh, Ngày *22* tháng *3* năm *2023*

Cán bộ ghi điểm: *[Signature]*

Cán bộ kiểm tra: *[Signature]*

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21CNTP

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/03/2023Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116221010	Trần Thanh Hậu	12/08/2003	Nam	6,8	50	5,9	008	<u>Hau</u>		
2	116221015	Lưu Thanh Long	23/05/2003	Nam	7,5	50	6,3	009	<u>Long</u>		
3	116221018	Lê Thị Ngân	18/05/2003	Nữ	7,3	50	6,2	010	<u>Ngan</u>		
4	116221030	Huỳnh Phúc Thoại	06/03/2003	Nam	7,3	38	5,6	011	<u>Phuoc</u>		
5	116221048	Nguyễn Thị Xuân Nhi	16/03/2003	Nữ	7,3	20	4,7	012	<u>Nhi</u>		
6	116221049	Thạch Sa Phương	17/09/2003	Nam	9,0	78	8,4	013	<u>Phuong</u>		
7	116221058	Hà Thị Hồng Trâm	07/03/2003	Nữ	7,3	53	6,3	014	<u>Tram</u>		
8	116221067	Lê Thị Tú My	02/03/2002	Nữ	7,3	33	5,3	015	<u>My</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Đạt

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Trần Văn ĐạtCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21KDA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệmNgày hoàn thành đánh giá kết thúc
15 / 03 / 2023Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112121018	Trịnh Thị Ngọc	Hân	02/04/2003	Nữ	7,5	4,3	5,9	016	<u>Trịnh Thị Ngọc</u>	
2	112121029	Võ Minh	Khang	02/02/2003	Nam	7,8				<u>Võ Minh</u>	
3	112121056	Nguyễn Văn	Nhớ	07/01/2003	Nam	8,0	3,0	5,5	018	<u>Nguyễn Văn</u>	
4	112121080	Hồ Thị Diễm	Trinh	02/01/2003	Nữ	7,0	3,8	5,4	019	<u>Trinh</u>	
5	112121090	Lê Minh	Vũ	19/08/2003	Nam	7,5				<u>Lê Minh</u>	
6	112121093	Lê Trường	Vượng	09/02/2003	Nam	7,5	3,8	5,7	021	<u>Lê Trường</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Ngọc, Trần Thị

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Đoàn Thị
Sơn Sơn LaCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA20NNAA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/3/2023Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110420109	Ngô Chánh Vinh	14/10/1999	Nam	<u>7,5</u>	<u>3,3</u>	<u>5,4</u>	<u>002</u>	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01Tổng số tờ: 01Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Đình Kim HảiĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: [Signature]
Sơn Sơn Lê

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Signature]Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21NNAA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....15/.....3...../.....2023.....

Phòng thi:.....D71.103.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110421003	Nguyễn Trần Hoài Bảo	26/02/1997	Nam	✓	✓	✓	✓	✓		CT

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....02.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....02.....

Tổng số tờ:.....10.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Phan Lê Dương Kim Hân

Điểm QT:.....50%.....; Điểm KT:.....50%.....

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Sơn Sơn Lê

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21NNAE

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TNNgày hoàn thành đánh giá kết thúc
15/3/2023Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chi
1	110421156	Lâm Ngọc Mỹ Vy	07/06/2003	Nữ	7,8	2,3	5,1	014			
2	110421264	Vương Mộng Tuyền	25/06/2003	Nữ	7,3	4,0	5,7	015			
3	110421265	Nguyễn Hoàng Phú	18/12/2002	Nam	7,8	4,8	6,3	016			
4	110421268	Nguyễn Trọng Tín	19/01/2003	Nam	7,3	4,3	5,8	017			
5	110421270	Phan Thế Luật	30/09/2001	Nam	7,3	4,0	5,7	018			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05Tổng số tờ: 05Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Kim HânĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Ba

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21NNK

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 3 / 2023

Phòng thi: 271.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114821004	Danh Thị Mi Ly	28/07/2003	Nữ	7,5	4,5	6,0	003	<u>mi</u>		
2	114821008	Lý Thị Minh Thư	19/11/2003	Nữ	7,8	2,5	5,2	004	<u>thư</u>		
3	114821014	Nèang Sa Na		Nữ	7,8	3,3	5,6	005	<u>sa</u>		
4	114821027	Thị Thanh Hiền	06/11/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	006	<u>thư</u>		
5	114821042	Thạch Thị Mỹ Nhung	04/10/2003	Nữ	7,5	3,5	5,5	007	<u>nhung</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: 05

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Đình Kim Hoàn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Sơn

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA20DCN

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/3/2023

Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112120052	Huỳnh Nhật Triều	17/04/2002	Nam	7,8	3,3	5,6	001	<u>10/3</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Phan Đình Kim Hoàn

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Đình Kim Hoàn

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phan Đình Kim Hoàn

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21CXH

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/3/2023

Phòng thi: Đ71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115121001	Nguyễn Thị Tuyết	Cầm	21/11/2003	Nữ	7,8	4,3	6,1	008	<u>Phan</u>	
2	115121003	Thạch Thị Phương	Hiền	11/10/2003	Nữ	7,8	4,8	6,3	009	<u>Phan</u>	
3	115121007	Trương Thị Kiều	Ngoan	19/12/2003	Nữ	7,3	3,8	5,6	010	<u>Phan</u>	
4	115121025	Phan Văn	Tài	29/01/2003	Nam	7,8	3,8	5,8	011	<u>Phan</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 04

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Minh Kim Hân

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Phan

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (89_2 -)/DA21LTM

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....15...../.....3...../.....2023.....

Phòng thi:.....D71.103.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114121001	Kim Thị Thu An	19/03/2003	Nữ	7,3	3,0	5,2	012	OK		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....01.....

Tổng số tờ:.....01.....

Cán bộ coi thi 1:.....Nguyễn Võ Thu An.....

Điểm QT:.....50%; Điểm KT:.....50%.....

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Trần Văn Sơn

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Linh

Cán bộ coi thi 2:.....